

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hoàn

Các hội thẩm dân nhân: Ông Ngô Mạnh Hải

Ông Đỗ Đức Hùng.

Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thu Hường - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/8/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh 1982. (có mặt)

Bị đơn: Anh Tạ Quang Đ, sinh 1983.(vắng mặt)

Cùng HKTT: Xóm T, thôn D, xã T, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: số 130 P, phường 3, quận P, Tp Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H- nhân viên Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Ninh theo giấy ủy quyền ngày 01/6/2019 của ông Phạm Quang T- Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh B. (có mặt)

2- Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà CC 5, B, H, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Hồng V- Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã Từ Sơn (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị kết hôn với anh Tạ Quang Đ vào ngày 28/5/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Sơn nhưng trước đó anh chị đã chung sống với nhau từ năm 2006. Trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu nhau, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Đ làm dâu, vợ chồng chung sống cùng bà nội anh Đ tại xóm Tụ, thôn Dương Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh Đ có quan hệ ngoại tình, ham chơi nhưng vì con còn nhỏ và gia đình hai bên khuyên bảo nên chị vẫn tiếp tục chung sống với anh Đ. Nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không được hòa thuận, hạnh phúc. Muộn thuần ngày càng trầm trọng từ đầu năm 2018 do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên đi chơi và không quan tâm gì đến vợ con, chị có khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi mà còn đánh đập chị. Đến tháng 5/2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở trong Thanh Hóa sống và vợ chồng không quan hệ tình cảm, sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ, chị đề nghị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Tạ Hải A sinh ngày 17/11/2007 và Tạ Hải B sinh ngày 30/10/2014. Cháu An đang ở với anh Đ còn cháu Bình đang ở với chị. Chị yêu cầu được nuôi cả hai con, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết do anh Đ thường xuyên đi vắng, không có việc làm, không có thời gian chăm sóc cháu An.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2015, chị có vay Ngân hàng TMCP Đ- chi nhánh Bắc Ninh số tiền 20.000.000đ để làm ăn, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm; anh Đ có đứng ra bảo lãnh khoản vay này cho chị. Số tiền này chị sử dụng vào mục đích làm ăn riêng của chị. Sau khi vay, chị đã trả Ngân hàng TMCP Đ được 7.600.245đ tiền gốc và 1.282.050đ tiền lãi trong hạn. Đến nay, chị xác định còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 12.399.755đ, tiền lãi trong hạn là 717.950đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019 là 6.016.331đ như Ngân hàng TMCP Đ trình bày là đúng. Chị đồng ý trả toàn bộ số nợ này cho phía Ngân hàng TMCP Đ và đồng ý trả lãi cho ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 29/11/2019 đến khi trả hết nợ gốc.

Đối với khoản nợ của Ngân hàng C chị xác định: ngày 24/5/2014 vợ chồng chị có vay của Ngân hàng C thị xã Từ Sơn số tiền gốc 12.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng tức đến ngày 24/5/2019 để xây nhà vệ sinh và khoan giếng. Sau khi vay, vợ chồng chị đã sử dụng tiền vào các việc trên và đã trả lãi hàng tháng cho ngân hàng với lãi suất 0,8%/tháng. Đến hạn trả nợ gốc, vợ chồng chị chưa có tiền nên chưa trả ngân hàng được khoản gốc nào. Nay phía Ngân hàng C yêu cầu chị và anh Đ phải trả số nợ gốc 12.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 28/11/2019 là 186.536đ thì chị đồng ý, chị sẽ có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ này.

Bị đơn là anh Đ trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị H về điều kiện, thời điểm kết hôn và chung sống là đúng. Quá trình chung sống đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi cọ, xô xát và đã sống ly thân đến nay đã hơn 1 năm. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý do thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể đoàn tụ chung sống.

Về con chung: anh xác nhận lời trình bày của chị H về con chung là đúng. Do hiện tại anh không có việc làm, thường phải đi vắng nên không có điều kiện và khả năng nuôi dưỡng cháu An. Vì vậy, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi cả hai con. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị H về hai khoản nợ ở Ngân hàng TMCP Đ và Ngân hàng C là đúng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng C thì anh đồng ý sẽ có trách nhiệm cùng chị H trả toàn bộ số nợ này.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ thì anh cũng đồng ý, trường hợp chị H không trả được nợ thì anh sẽ có trách nhiệm trả số nợ này cho phía Ngân hàng TMCP Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngân hàng C do bà Ngô Hồng Vân trình bày: Theo Danh sách đề nghị vay vốn Ngân hàng C thị xã Từ Sơn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường của Chủ tịch UBND xã Tam Sơn, ngày 28/5/2014, Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Bắc Ninh đã giải ngân cho hộ bà Trần Thị H vay số tiền 12.000.000đ, lãi suất 0.8%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, hạn trả nợ ngày 24/5/2019; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần; số tiền trả nợ 1.300.000đ/lần. Đến hạn trả nợ nhưng phía hộ chị H chưa trả nên ngày 08/6/2019, Ngân hàng C đã chuyển số nợ 12.000.000đ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 28/11/2019 thì hộ chị H còn nợ Ngân hàng C số nợ gốc là 12.000.000đ và tiền lãi quá hạn là 186.536đ. Ngân hàng C yêu cầu chị H và anh Đ phải trả Ngân hàng C số nợ gốc 12.000.000đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019 là 186.536đ; yêu cầu chị H, anh Đ phải tiếp tục trả lãi cho ngân hàng kể từ ngày 29/11/2019 trên số dư nợ gốc với lãi suất quá hạn đã thỏa thuận.

Ngân hàng TMCP Đ do ông Hải đại diện trình bày: Ngày 30/11/2015, Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bắc Ninh có cho chị Trần Thị H vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất 10%/năm; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để kinh doanh; số tiền góp một kỳ 1.835.000đ theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ. Anh Đ là chồng chị H có đứng ra bảo lãnh cho chị H, cam kết trường hợp chị H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng TMCP Đ thì anh Đ sẽ trả nợ thay cho chị H cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đ. Sau khi vay, chị H đã trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 7.600.245đ; lãi trong hạn

là 1.282.050đ. Do chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ số nợ gốc còn lại đã chuyển sang nợ quá hạn, tính đến ngày 28/11/2019, chị H còn nợ ngân hàng số gốc là 12.399.755đ, lãi trong hạn là 717.950đ và lãi quá hạn là 6.016.331đ

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu chị H phải thanh toán toàn bộ số nợ trên và yêu cầu chị H phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ kể từ ngày 29/11/2019 trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc với lãi suất thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên ngày 30/11/2015. Trường hợp chị H không trả được nợ thì yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ của chị H cho Ngân hàng TMCP Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của đương sự chưa đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Xử: cho chị H được ly hôn với anh Đ.

Con chung: giao cháu Tạ Hải A sinh ngày 17/11/2007 và Tạ Hải B, sinh ngày 30/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, trích chia công sức đóng góp: không xem xét giải quyết.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ và Ngân hàng C.

Buộc chị H, anh Đ phải liên đới trả Ngân hàng C số nợ gốc 12.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 28/11/2019 là 186.536đ. Chị H, anh Đ phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng C kể từ ngày 29/11/2019 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ gốc với lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng chính sách phê duyệt ngày 28/5/2014, cụ thể chị H, anh Đ mỗi người phải trả ½ số nợ trên.

Buộc chị H phải trả Ngân hàng TMCP Đ số nợ gốc 12.399.755đ, lãi trong hạn là 717.950đ và lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019 là 6.016.331đ

Chị H phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ kể từ ngày 29/11/2019 trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc với lãi suất thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên ngày 30/11/2015. Trường hợp chị H không trả được nợ thì anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ của chị H cho Ngân hàng TMCP Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Bị đơn là anh Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Tạ Quang Đ và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “ Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con” , theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ có Hộ khẩu và cư trú tại xóm Tụ, thôn Dương Sơn, xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Tạ Quang Đ đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, anh Đ có đánh chị H.

Từ tháng 5/2018 thì chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại Thanh Hóa sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, cắt đứt quan hệ tình cảm. Qua đó, cho thấy có căn cứ để xác định chị H, anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn, phía anh Đ cũng đồng ý ly hôn vì thấy không còn tình cảm vợ chồng. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H, anh Đ đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Tạ Hải A, sinh ngày 17/11/2007 và Tạ Hải B, sinh ngày 30/10/2014. Chị H yêu cầu được nuôi cả hai con, đối với yêu cầu này của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H có công việc, thu nhập đảm bảo nuôi con, anh Đ hiện chưa có công việc, thường xuyên vắng nhà không có điều kiện chăm sóc con và anh Đ cũng đồng ý để chị H nuôi cả hai con, hơn nữa cháu An cũng có nguyện vọng được sống với chị H nên cần giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị H, anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng C, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H, anh Đ đều xác nhận ngày 28/5/2014 có vay Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Bắc Ninh số tiền 12.000.000đ, lãi suất 0.8%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, hạn trả nợ ngày

24/5/2019; lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần; số tiền trả nợ 1.300.000đ/lần. Tính đến ngày 28/11/2019 thì chị H, anh Đ còn nợ Ngân hàng C số nợ gốc là 12.000.000đ và tiền lãi quá hạn là 186.536đ và đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ này. Ngân hàng C yêu cầu chị H và anh Đ phải trả Ngân hàng C số nợ gốc 12.000.000đ, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019 là 186.536đ; yêu cầu chị H, anh Đ phải tiếp tục trả lãi cho ngân hàng kể từ ngày 29/11/2019 trên số dư nợ gốc với lãi suất quá hạn đã thỏa thuận. Yêu cầu này của Ngân hàng C là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Phía chị H xác nhận ngày 30/11/2015 chị có vay Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Bắc Ninh số tiền 20.000.000đ, lãi suất 10%/năm; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để kinh doanh; số tiền góp một kỳ 1.835.000đ theo như nội dung giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ. Anh Đ là chồng chị H có đứng ra bảo lãnh cho chị H, cam kết trường hợp chị H không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng TMCP Đ thì anh Đ sẽ trả nợ thay cho chị H cho đến khi hết nợ vay tại Ngân hàng TMCP Đ. Nội dung thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện nên hợp đồng này là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ các bên.

Sau khi vay, chị H đã trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 7.600.245đ; lãi trong hạn là 1.282.050đ. Do chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ số nợ gốc còn lại đã chuyển sang nợ quá hạn, tính đến ngày 28/11/2019, chị H xác nhận còn nợ ngân hàng số gốc là 12.399.755đ, lãi trong hạn là 717.950đ và lãi quá hạn là 6.016.331đ như ngân hàng trình bày là đúng. Do vậy, cần buộc chị H phải có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP Đ số nợ gốc 12.399.755đ, lãi trong hạn là 717.950đ và lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019 là 6.016.331đ; chị H phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ kể từ ngày 29/11/2019 với lãi suất thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ký ngày 30/11/2015 giữa các bên cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp chị H không trả được nợ cho Ngân hàng thì anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ của chị H cho Ngân hàng TMCP Đ.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên không phải chị án phí. Chị H, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điều 463, 465, 466, 468 và điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Tạ Quang Đ.

Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Tạ Hải A, sinh ngày 17/11/2007 và Tạ Hải B, sinh ngày 30/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C và Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc chị H, anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng C tổng số tiền 12.186.536 đ (Mười hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng) gồm tiền gốc 12.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 28/11/2019 là 186.536đ cụ thể chị H, anh Đ mỗi người phải trả 6.093.268đ gồm 6.000.000đ tiền nợ gốc và 93.268đ tiền lãi tính đến 28/11/2019.

Chị H, anh Đ phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng C kể từ ngày 29/11/2019 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng chính sách phê duyệt ngày 28/5/2014.

Buộc chị H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 19.134.036 gồm nợ gốc là 12.399.755đ, lãi trong hạn là 717.950đ và lãi quá hạn tính đến ngày 28/11/2019 là 6.016.331đ. Chị H phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ kể từ ngày 29/11/2019 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán với lãi suất thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ký ngày 30/11/2015 giữa các bên cho đến khi trả hết nợ gốc. Trường hợp chị H không trả được nợ cho Ngân hàng thì anh Đ phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ (cả gốc và lãi) của chị H cho Ngân hàng TMCP Đ.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0002255 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

Chị H phải chịu 1.261.400đ án phí dân sự sơ thẩm

Anh Đ phải chịu 304.700đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền 445.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002047 ngày 05/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tam Sơn,
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn